## 

## BÀI 6: NGUYỄN TRÃI – “DÀNH CÒN ĐỂ TRỢ DÂN NÀY”

**Văn bản 4: DỤC THÚY SƠN**

**( 1 tiết)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.**

**1. Năng lực**

**1.1. Năng lực ngữ văn**

- Vận dụng những hiểu biết về Nguyễn Trãi và kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn bát cú Đường luật của Nguyễn Trãi.

- Nhận biết và phân tích được thể thơ ngũ luật nói chung.

**1.2. Năng lực chung.**

- Chủ động tìm hiểu thêm các kiến thức về tác gia Nguyễn Trãi và các tác phẩm của tác gia này.

- Hợp tác với các thành viên trong lớp trong quá trình thảo luận.

**2. Phẩm chất**

- Thể hiện được lòng kính trọng biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có những đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hóa dân tộc

- Có tình yêu thơ ca,yêu cái đẹp.

- Có ý thức tự giác trong các hoạt động của lớp.

- Biết lắng nghe tôn trọng ý kiến người khác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- PHT số 1,2

- Tranh ảnh

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

***a. Mục đích:***

HS biết được các nội dung cơ bản của bài học cần đạt được, tạo tâm thế cho HS đi vào tìm hiểu bài mới.

***b. Nội dung:*** HS dựa vào hiểu biết để trả lời câu hỏi.

***c. Sản phẩm:***HSvận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Hãy kể một vài địa danh của đất nước từng khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca.  +Trình chiếu một số hình: Một vài địa danh của đất nước đã khơi nguồn cảm hứng cho thơ ca như sông Bạch Đằng, Côn Sơn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động  - Hs trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, dẫn dắt vào bài  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho HS hoàn thành tốt. | - Gợi ý:  Các danh lam thắng cảnh của đất nước như: Yên Tư, côn Sơn, Bạch Đằng, Thần Phù, Vân Đồn…. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu tri thức ngữ văn**

***a. Mục tiêu:***

- Nhận biết những nét chính về giá trị nội dung và đặc sắc nghệ thuật của bài thơ.

***b. Nội dung***

- Giới thiệu những nét chính về về nội dung và nghệ thuật.

***c. Sản phẩm***

- Trên cơ sở HS chuẩn bị ở nhà theo nhóm đã phân công.

- HS thuyết trình sản phẩm trình bày những nét chính về bài thơ.

- HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Hướng dẫn Hs tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và tìm hiểu đặc điểm cơ bản thể loại thơ Ngũ luật (GV yêu cầu HS tự tìm hiểu SGK trang 24, 25) đọc tìm thể loại, đặc điểm.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc  - GV quan sát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức | **I. Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  1. Thể loại  Thơ ngũ luật là loại thơ gồm 8 câu (bát cú), mỗi câu có 5 tiếng (ngũ ngôn) được làm theo quy định chặt chẽ của luật thơ Đường luật; cho nên còn gọi là ngũ ngôn luật thi. Thơ ngũ luật giống như bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật bỏ đi hai tiếng đầu câu, chỉ còn năm tiếng sau. Về niêm, luật, vần, đối và kết cấu thì vẫn như bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật.  2. Đặc điểm  -Về luật thơ (thi luật): căn cứ vào chữ thứ nhất, chữ thứ nhì của dòng đầu tiên để xác định luật bằng, trắc; chữ thứ hai và thứ tư phải đối nhau (nhị, tứ phân minh).  -Về đối: các phép đối, dù ở dạng nào cũng đều phải hội tụ 3 đặc điểm:  + Đối ý: có hai cách cơ bản là tương phản và tương đồng.  + Đối thanh: chí ít là các chữ nằm ở vị trí 2,4,5 nhất thiết phải tuân theo luật bằng trắc.  + Đối từ: danh từ đối với danh từ, động từ đối với động từ, tính từ đối với tính từ; số từ đối với số từ, hư từ đối với hư từ; từ ghép đối với từ ghép, từ láy đối với từ láy; danh từ riêng đối với danh từ riêng; cụm từ đối với cụm từ. Nếu không đảm bảo quy định trên gọi là thất luật.  -Về niêm:để đảm bảo được sự hài hòa về thanh bằng, thanh trắc giữa các câu thơ trong phạm vi cả bài (chiều dọc) thì các câu 1 và 8, câu 2 và 3, câu 4 và 5, câu 6 và 7 phải niêm với nhau (nghĩa là các cặp câu phải cùng là thanh bằng hoặc thanh trắc). Khi các câu trong bài không theo lệ đã định gọi là thất niêm.  -Về vần (vận )có hai loại:  + Chính vận (vần gồm những chữ có âm giống nhau chỉ khác phụ âm đầu và dấu giọng);  + Thông vận (vần gồm những chữ có âm tương tự nhau). Gieo vần sai hẳn, không hiệp nhau gọi là lạc vận ; nếu vần gieo gượng, không được hiệp lắm thì gọi là cưỡng áp .  -Về kết cấu :có ba mô hình cơ bản về bố cục của một bài thơ ngũ luật như sau:  +Mô hình phổ biến nhất là 2/2/2/2: khởi - thừa - chuyển - hợp (hay đề - thực - luận - kết ).  + Mô hình 4/4:tiền giải, hậu giải  + Mô hình 2/4/2.  Căn cứ vào số câu được gieo vần, ngũ luật chia làm hai loại: loại năm vần và loại bốn vần.  +Ngũ luật bốn vần là những bài thơ làm theo luật Đường thi có 8 câu, mỗi câu 5 tiếng, hiệp vần (bằng hoặc trắc) ở các câu 2,4,6,8 (trốn vần ở câu 1).  +Ngũ luật năm vần là những bài thơ làm theo luật Đường thi có 8 câu, mỗi câu 5 tiếng, hiệp vần (bằng hoặc trắc) ở các câu 1, 2, 4, 6, 8.  +Căn cứ vào vần được gieo là vần bằng hay vần trắc, cũng chia ra làm các tiểu loại: loại vần bằng; loại vần trắc. |

**Hoạt động 2: Đọc và khái quát nội dung chính của văn bản**

**a. Mục tiêu:** Biết cách đọc, khái quát nội dung văn bản

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV: Hướng dẫn học sinh đọc văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  + *Hướng dẫn cách đọc văn bản, chú ý các hộp chỉ dẫn*  *+ GV hướng dẫn HS chú ý về các câu hỏi hình dung, theo dõi*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  - GV quan sát, gợi mở  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS quan sát, theo dõi, suy ngẫm  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **II. Đọc và khái quát nội dung chính của văn bản**  **1. Đọc**  - HS biết cách đọc thầm, trả lời được các câu hỏi  - GV đọc phần nguyên văn (phiên âm), chỉ định HS đọc thành tiếng bản dịch nghĩa và bản dịch thơ, nhắc các em chú ý đến cách đọc thơ ngũ ngôn luật, có đối, chú ý những cước chú và nội dung thẻ chỉ dẫn.  **2. Nội dung chính**  - Theo dõi và nắm bắt các chi tiết miêu tả bức tranh thiên nhiên phong cảnh núi Dục Thúy và tình cảm của nhân vật trữ tình. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được đặc điểm cơ bản của thể loại thơ Ngũ luật và nội dung phản ánh.

- HS nhận biết và phân tích được các yếu tố cơ bản về nội dung và nghệ thuật

- HS vận dụng được những hiểu biết chung về tác gia Nguyễn Trãi và các kiến thức được giới thiệu trong phần Tri thức ngữ văn để đọc hiểu một tác phẩm thơ chữ Hán, thể ngũ ngôn của Nguyễn Trãi.  
– HS thể hiện được lòng kính trọng, biết ơn và tinh thần học tập những nhân vật kiệt xuất đã có đóng góp lớn lao cho lịch sử và văn hoá dân tộc.

- Sống có khát vọng, có hoài bão và thể hiện được trách nhiệm với cộng đồng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HV** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv phát vấn  - Gv yêu cầu HV tự tìm hiểu SGK trang 24, 25 đọc bài thơ và tìm hiểu hoàn cảnh ra đời.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức để hs báo cáo sản phẩm  - HS trả lời và nhận xét câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Khám phá văn bản**  **1. Hoàn cảnh ra đời bài thơ**  - Dục Thúy Sơn có thể được sáng tác vào thời điểm sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh và trước khi Nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn. Bài thơ được sưu tầm và xếp vào *Ức Trai thi tập.* |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm điểm khác biệt giữa bản dịch nghĩa dịch thơ và bố cục bài thơ**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Gv phát PHT số 2, Hs thảo luận nhóm 4-6 em  - Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và dịch thơ?( Nhóm 1)  - Xác định đặc điểm kết cấu của Dục Thuý Sơn( Nhóm 2)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở  - HS thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi các nhóm báo cáo sản phẩm  - HS cử đại diện báo cáo, HS còn lại lắng nghe, bổ sung, phản biện  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho nhóm hoàn thành tốt. | **2. Nội dung bài thơ.**  ***a.*** *Nêu một vài điểm khác biệt đáng chú ý giữa bản dịch nghĩa và dịch thơ*  - Bản dịch thơ đảo câu 3,4, trật tự và logic thay đổi  +Từ “ cảnh” trong nguyên văn và bản dịch nghĩa là “ cõi”, “ bờ cõi”( như biên cảnh, xuất nhập cảnh. Do cấu trúc câu theo trật tự ngữ pháp tiếng Việt, từ “cảnh tiên” trong bản dịch  thơ dễ bị hiểu nhầm là phong cảnh, cảnh sắc.  + “Bóng” là hình ảnh phản chiếu của sự vật, có thể do ánh sáng (bóng nắng, bóng râm),  có thể do tính chất phản chiếu của gương, của mặt nước,... Bản dịch nghĩa, theo logic của  nguyên văn, xác định rõ “bóng tháp” hiện lên trên mặt nước. Do hạn định về số chữ, bản  dịch thơ chỉ nói chung là “bóng tháp”, rất có thể dẫn đến cảm nhận sai.  + Bản dịch nghĩa (và nguyên văn) là “trâm ngọc xanh” (trâm thanh ngọc), đặc tả màu sắc  của “trâm”, bản dịch thơ chỉ dịch chung là “trâm ngọc”, chưa gợi rõ màu sắc.  + “Thuý hoàn” trong nguyên văn là “mái tóc xanh” (bản dịch nghĩa), chuyển thành “tóc huyền” trong bản dịch thơ, “huyền” là màu đen.  b. *Xác định đặc điểm kết cấu của bài thơ Dục Thuý Sơn*  - Mô hình kết cấu cơ bản của một bài thơ viết theo thể Đường luật (bát cú) là: 2/2/2/2 hoặc 4/4;nhưng cũng có thể theo kết cấu riêng (ví dụ: 6/2, 4/2/2,...).  – Xét về nội dung và cảm hứng, dễ nhận thấy bài Dục Thuý sơn có mô hình kết cấu 6/2.  + Trong đó sáu câu đầu thiên về tả cảnh, bức tranh núi Dục Thuý;  + Hai câu kết thể hiện cảm xúc hoài niệm của tác giả.  – Ở một góc độ khác, có thể chấp nhận mô hình cấu trúc đề – thực – luận – kết.  + Hai câu đề: giới thiệu chung về cảnh vật;  + Hai câu thực: cảnh đẹp của ngọn núi nhìn từ xa, trên cao;  + Hai câu luận: vẻ đẹp của núi nhìn từ điểm nhìn cận cảnh;  + Hai câu kết: tâm sự hoài niệm trước cảnh vật. Sự “vận động” của ý thơ đi từ chung đến riêng, từ khái quát đến cụ thể, từ ngoại cảnh đến nội tâm. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu chi tiết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  - Bức tranh toàn cảnh về vẻ đẹp của núi Dục Thuý được miêu tả như thế nào?( Nhóm 3)  - Nêu những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thuý?( Nhóm 4)  - Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”, thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ. Theo bạn, trong hai câu kết của Dục Thuý Sơn, Nguyễn Trãi muốn gửi gắm những nỗi niềm chung ấy hay muốn bày tỏ suy ngẫm riêng của mình?  *Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ*  Các nhóm trả lời câu hỏi.  *Bước 3: Báo cáo kết quả các nhóm*  *Bước 4: Nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.*  - Nhóm trình bày các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét đánh giá chuẩn hóa kiến thức có thể chấm điểm cho nhóm hoàn thành tốt.  *-GV liên hệ một bài thơ của Trương Hán Siêu ( có cùng đề tài)*  Dục Thuý Sơn  (Núi Dục Thuý)  Trương Hán Siêu  *Phiên âm:*  Sơn sắc thượng y y,  Du nhân hồ bất quy?  Trung lưu quang tháp ảnh,  Thượng giới khải nham phi.  Phù thế như kim biệt,  Nhàn danh ngộ tạc phi.  Ngũ Hồ thiên địa khoát,  Hảo phỏng cựu ngư ki.  *Dịch nghĩa:*  Sắc núi vẫn xanh biêng biếc,  Người đi chơi sao còn chưa về?  Giữa dòng sáng ngời bóng tháp,  Thượng giới mở cánh cửa hang.  Có cách biệt với cuộc đời trôi nổi như hôm nay,  Mới biết rõ việc chạy theo danh hão trước kia là không đúng,  Trời đất Ngũ Hồ rộng thênh thang,  Mong tìm lại tảng đá ngồi câu khi trước. | **3. Phân tích**  ***a. Sáu câu thơ đầu: bức tranh núi Dục Thuý;***  *Hải khẩu hữu tiên san;*  *Tiền niên lũ vãng hoàn.*  *Liên hoa phù thủy thượng;*  *Tiên cảnh trụy trần gian*  *Tháp ảnh trâm thanh ngọc;*  *Ba quang kính thúy hoàn*  - Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thuý được thể hiện rõ nét trong hai câu 3-4, từ điểm nhìn xa, có tầm bao quát rộng.  *Liên hoa phù thủy thượng;*  *Tiên cảnh trụy trần gian*  - Núi Dục Thuý được tác giả ví như đoá sen nổi trên mặt nước, hình ảnh và bút pháp mới lạ, độc đáo. Trong nguyên văn, tác giả không sử dụng từ ngữ biểu thị sự so sánh mà đồng nhất trực tiếp núi Dục Thuý với đoá sen. Hình ảnh đoá sen có ý nghĩa biểu tượng, gợi ý niệm thoát tục, như là cõi tiên rơi xuống trần gian.  - Ngôn từ được sử dụng tinh xác, tạo ấn tượng: Trong nguyên văn, từ “phù” có nghĩa là nổi, nhưng lay động tại chỗ (khác với phiếm cũng là nổi nhưng trôi dạt); từ “truỵ” có nghĩa là rơi, rớt từ trên cao xuống, thể hiện sự sống động trong miêu tả.  - Những chi tiết miêu tả cận cảnh núi Dục Thuý  *Tháp ảnh trâm thanh ngọc;*  *Ba quang kính thúy hoàn*  - Các chi tiết đặc sắc: so sánh bóng tháp hiện trên mặt nước như chiếc trâm ngọc xanh; ánh sáng sóng nước như đang soi chiếu mái tóc biếc.  -Trâm ngọc xanh và mái tóc biếc gợi hình ảnh trẻ trung, trong sáng, trữ tình, nên thơ, giúp liên tưởng đến hình ảnh người con gái. Vẻ đẹp của thiên nhiên được so sánh với vẻ đẹp của con người; lấy nét đẹp của người con gái để hình dung bóng núi trên sóng biếc.  - Sự liên tưởng này rất hiện đại, đặc biệt, hiếm thấy trong thơ cổ. Thơ cổ thường lấy chuẩn mực vẻ đẹp tự nhiên để so sánh với con người. Sự liên tưởng và bút pháp mới lạ này cho thấy tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ.  ***b. Hai câu cuối: cảm xúc hoài niệm của tác giả.***  *Hữu hoài trương Thiếu bảo,*  *Bi khắc tiển hoa ban*  *-*Trong phần kết của những bài thơ viết về đề tài “đăng cao”, “đăng sơn”, thi nhân xưa thường thể hiện chí khí hào hùng, khát vọng lớn lao, hoặc nhấn mạnh sự nhỏ bé, cô đơn của con người trước núi sông kì vĩ.  -Hai câu kết bài thơ này, cũng giống như các bài thơ khác cùng chủ đề của Nguyễn Trãi, lại thường là sự bộc lộ những suy tư về con người, về lịch sử, về dân tộc.  -Ý thơ thể hiện rõ sự hoài niệm, nhớ tiếc. Điều này cho thấy tâm hồn hướng nội, sâu sắc của Nguyễn Trãi. |

**Hoạt động 3: Tổng kết**

**a. Mục tiêu:** Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học sinh

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Theo em, nội dung của văn bản là gì?*  *+ Nghệ thuật đặc sắc được thể hiện qua văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hướng dẫn  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 học sinh báo cáo sản phẩm  - HS báo cáo sản phẩm, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | **IV. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Bức tranh toàn cảnh núi Dục Thúy hiện lên chân thực nhưng không kém phần sâu sắc sống động.  - Quan bức tranh thiên nhiên tuyệt mĩ ẩn dấu tâm hồn trong sáng, nhạy cảm, tinh tế của nhà thơ.  **2. Nghệ thuật**  - Thơ văn Nguyễn Trãi kết tinh nhiều thành tựu nghệ thuật đặc sắc, góp phần quan trọng vào sự phát triển, hoàn thiện một số thể loại văn học Trung đại Việt Nam.  + Bài thơ Dục Thúy Sơn đạt tới sự nhuần nhuyễn và điêu luyện, ngôn ngữ cô đúc, nghệ thuật tài hoa.  + Đặc điểm cơ bản của thể thơ: lấy cảnh ngụ tình “ ý tại ngôn ngoại”  + Sử dụng đắc địa chi tiết miêu tả, biện pháp nghệ thuật tu từ so sánh , ẩn dụ. |
| **Cách tổng kết 2**  **PHT số …**   |  |  | | --- | --- | | Những điều em nhận biết và làm được | Những điều em còn băn khoăn | |  |  | | |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**c. Sản phẩm học tập:** đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| *Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.*  **Bước1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *Bài thơ Dục Thúy Sơn đã thể hiện tình yêu thiên nhiên đất nước sâu sắc của Nguyễn Trãi. Anh (chị) hãy viết đoạn văn*  *( khoảng 150 chữ) ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động, gọi 4-5 hs trình bày ản phẩm  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV nhận xét đánh giá | ***Gợi ý:***  -Trong thơ Nguyễn Trãi, thiên nhiên dường như chiếm phần khá cao, từ những danh lam thắng cảnh hùng vĩ đến những điều giản dị bình thường cũng đi vào thơ ông và làm xúc động lòng người đọc.  -Nguyễn Trãi yêu thiên nhiên nên ông làm thơ thiên nhiên và cũng chính ông đã giúp ta thêm yêu cuộc sống, yêu quê hương đất nước của mình.  -Hôm nay và mãi mãi về sau, Nguyễn Trãi cùng những vần thơ tuyệt bút ấy sẽ ghi một dấu ấn đậm nét trong lòng người đọc. |

***Phụ lục 1:Phiếu học tập***

**PHT số 1/ Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| So sánh | Bản dịch nghĩa | Bản dịch thơ | Nhận xét |
|  |  |  |

**PHT số 2/ Gợi ý**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Bức tranh thiên nhiên núi Dục Thúy | Nhìn từ trên cao | Nhìn từ xa | Nhìn cận cảnh |
|  |  |  |

***Phụ lục 2. Rubic đánh giá thảo luận nhóm***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **CẦN CỐ GẮNG**  **(0 – 4 điểm)** | **ĐÃ LÀM TỐT**  **(5 – 7 điểm)** | **RẤT XUẤT SẮC**  **(8 – 10 điểm)** |
| **Hình thức**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Bài làm còn sơ sài, trình bày cẩu thả  Sai lỗi chính tả | **1 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả | **2 điểm**  Bài làm tương đối đẩy đủ, chỉn chu  Trình bày cẩn thận  Không có lỗi chính tả  Có sự sáng tạo |
| **Nội dung**  **(6 điểm)** | **1 - 3 điểm**  Chưa trả lơi đúng câu hỏi trọng tâm  Không trả lời đủ hết các câu hỏi gợi dẫn  Nội dung sơ sài mới dừng lại ở mức độ biết và nhận diện | **4 – 5 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có ít nhất 1 – 2 ý mở rộng nâng cao | **6 điểm**  Trả lời tương đối đầy đủ các câu hỏi gợi dẫn  Trả lời đúng trọng tâm  Có nhiều hơn 2 ý mở rộng nâng cao  Có sự sáng tạo |
| **Hiệu quả nhóm**  **(2 điểm)** | **0 điểm**  Các thành viên chưa gắn kết chặt chẽ  Vẫn còn trên 2 thành viên không tham gia hoạt động | **1 điểm**  Hoạt động tương đối gắn kết, có tranh luận nhưng vẫn đi đến thông nhát  Vẫn còn 1 thành viên không tham gia hoạt động | **2 điểm**  Hoạt động gắn kết  Có sự đồng thuận và nhiều ý tưởng khác biệt, sáng tạo  Toàn bộ thành viên đều tham gia hoạt động |
| **Điểm** |  |  |  |
| **TỔNG** |  | | |

**D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi *“*Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS, thái độ khi tham gia trò chơi

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Gv tổ chức trò chơi “Vòng quay văn học” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.*  **1.Nguyễn Trãi có hiệu là gì?** A. Thanh Hiên  B. Ức Trai  C. Yên Đổ  D. Bạch Vân  **2. Nguyễn Trãi đỗ Thái học sinh năm nào?** A. 1385  B. 1390  C. 1395  D. 1400  **3. Nguyễn Trãi cùng cha ra làm quan dưới triều đại nào?**  A. Nhà Lý  B. Nhà Trần  C. Nhà Hồ  D. Nhà Nguyễn  **4. Sau khi thoát khỏi sự giam lỏng của giặc Minh, Nguyễn Trãi theo ai tham gia cuộc khởi nghĩa Lam Sơn?**  A. Trần Quốc Tuấn  B. Lê Lợi  C. Nguyễn Huệ  D. Cả A, B, C, đều sai  **5. Nguyễn Trãi xin về ở ẩn tại Côn Sơn vào năm nào?**  A. 1432  B. 1434  C. 1437  D. 1439  **6. Bài thơ Dục Thúy Sơn được sáng tác trong giai đoạn nào?**  A.Sau cuộc kháng chiến chống giặc Minh  B. Trước khi nguyễn Trãi lui về ở ẩn tại Côn Sơn  C.Khi Nguyễn Trãi làm quan dưới triều nhà Lê  D.A, B  **7. Bài thơ Dục Thúy Sơn được sáng tác theo thể thơ nào?**  A. Thất ngôn tứ tuyệt  B. Lúc bát  C. Ngũ ngôn luật thi  D. Song thất lục bát  **8**. *Nhớ xưa Trương thiếu bảo*  *Bia khắc dấu rêu hoen*  **Hai câu thơ trên trích trong bài thơ nào dưới đây?**   1. Dục Thúy Sơn   B. Tự thán bài 40  C. Bảo kính cảnh giới bài 12  D. Tự thuật bài 9  **9. Bài thơ Dục Thúy Sơn đã thể hiện tình yêu thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn trong sáng nhạy cảm của Nguyễn Trãi. Đúng hay sai?**  A. Đúng  B. Sai  **10. Nhận xét nào sau đúng về Nguyễn Trãi?** A. Là một bậc đại anh hùng dân tộc. B. Là một nhân vật toàn tài hiếm có. C. Là người đã được UNESCO công nhận là danh nhân văn hoá thế giới D. Cả A, B, C đều đúng.  **ĐÁP ÁN**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | | B | D | C | B | D | | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | | D | C | A | A | D |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện**  **nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động  - Hs tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức | Gợi ý:  Câu 1: C  Câu 2: C  Câu 3: A  Câu 4: D  Câu 5: D  Câu 6: D  Câu 7: B  Câu 8: B  Câu 9: A  Câu 10: D |